

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2025

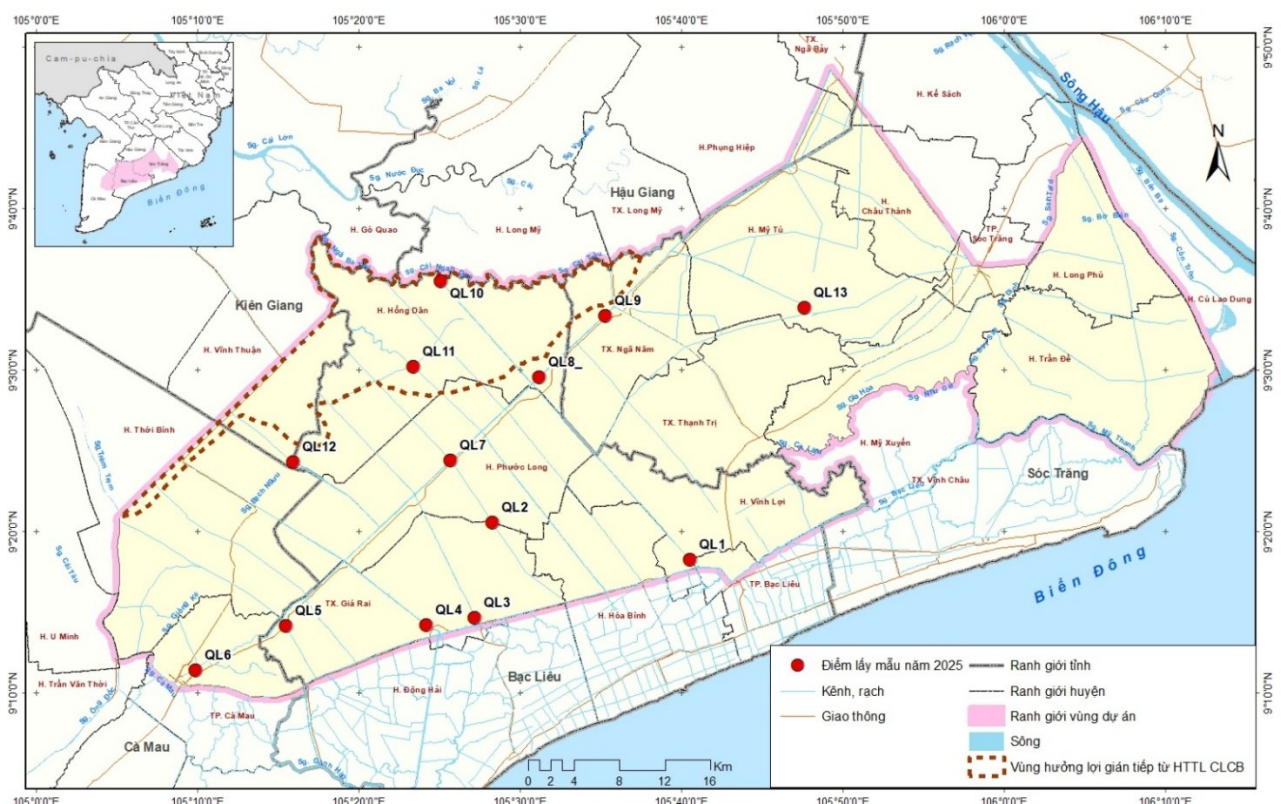
BẢN TIN TUẦN KỲ 19

“Đợt đo ngày 25/06/2025, dự báo từ 03/07/2025 đến 09/07/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 25/06/2025

1.1.Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chế độ chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

1.2.Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 13 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	TP	TN	Coliform	WQI	Khuyến cáo
			‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l		MPN/ 100ml		
	QCVN08:2023 -BTNMT (Bảng 2, mức B) (*)	6- 8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤0,3	≤1,5	≤5000		
1	Trước cống Cầu Sập trên kênh Quản Lộ – Bạc Liêu (QL1)	7,37	0,2	39,20	5,10	13,5	24,2	0,02	2,23	2400	73	Theo chỉ số WQI, chất lượng nước ở đây trung bình. Có thể sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp sau khi có các biện pháp xử lý phù thích hợp.
2	Trên giữa kênh Vĩnh Phong thuộc xã Vĩnh Thanh (QL2)	6,77	0,4	42,15	5,66	20,6	35,3	0,08	8,05	9200	46	Theo chỉ số WQI, chất lượng nước ở đây xấu, cần có các biện pháp xử lý chất ô nhiễm hữu cơ, vô cơ, dinh dưỡng trước khi cấp nước cho SXNN.
3	Trong cống Phó Sinh trên kênh Quản Lộ - Giá Rai (QL3)	7,58	10,4	50,21	6,20	6,4	12,5	0,17	0,76	1100	91	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây rất tốt, có thể sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, và các hoạt động sinh hoạt.
4	Trước cống Chủ Chí trên kênh Hộ	7,61	10,6	19,82	5,97	7,0	13,8	0,18	0,47	840	88	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, có thể cấp nước phục

	Phòng (QL4)											vụ nuôi trồng thủy sản và sinh hoạt sau khi có các biện pháp xử lý thích hợp.
5	Trên kênh xáng Láng Trâm (QL5)	7,53	10,6	43,08	6,15	8,1	15,3	0,25	1,97	1400	86	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, có thể sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản với biện pháp xử lý ô nhiễm thích hợp.
6	Trong cống Cà Mau tại cuối kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL6)	7,22	7,6	8,70	4,82	12,1	21,4	1,13	3,04	2400	75	Theo chỉ số WQI, chất lượng nước ở đây trung bình, có thể dùng cấp nước NTTS, cần tăng nồng độ Oxy hoà tan và xử lý ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và vi sinh trong nước để đảm bảo sự phát triển cho đối tượng nuôi.
7	Điểm lấy mẫu đầu kênh Ninh Thạnh Lợi (QL7)	7,35	6,7	24,50	5,63	10,5	18,2	0,18	2,62	1400	82	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, có thể dùng đưa vào phục vụ sản xuất nông nghiệp.
8	Sau âu thuyền Ninh Quới trên kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL8)	7,35	1	50,06	3,52	9,2	17,4	0,14	2,27	2100	74	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây có chất lượng trung bình. Cần lưu ý xử lý ô nhiễm hữu cơ và oxy hòa tan thấp trong nước.
9	Điểm lấy mẫu ở vị trí Cống Đá trên kênh Quản Lộ-	7,17	0,1	33,12	3,42	13,4	25,2	0,21	3,51	1300	66	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, ô nhiễm tăng cao ở các chỉ tiêu hữu cơ, dinh

	Phụng Hiệp (QL9)											đường cần có biện pháp xử lý trước khi cấp nước phục vụ SXNN.
10	Điểm lấy mẫu cuối kênh xáng Ngan Dừa (QL10)	7,11	4,3	29,55	4,85	15,4	27,4	0,15	3,77	3500	67	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, cần lưu ý độ mặn có thể tăng cao vượt ngưỡng chịu mặn của lúa.
11	Điểm lấy mẫu tại kênh Cộng Hoà (QL11)	7,06	5,6	62,18	5,28	11,5	21,2	0,11	2,99	2100	76	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, có thể lấy nước phục vụ SXNN sau khi có các biện pháp xử lý thích hợp.
12	Điểm giao kênh Phong Thạnh Tây với sông Bạch Ngưu (QL12)	7,39	11,2	86,10	4,76	8,5	16,4	0,15	1,93	950	79	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, có thể đưa vào ao nuôi sau khi áp dụng các biện pháp xử lý thích hợp để đảm sự phát triển của con nuôi.
13	Trong cống Mỹ Phước trên kênh xáng Mỹ Phước (QL13)	7,21	0,1	78,45	5,93	7,9	15,5	0,14	1,88	840	86	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, có thể dùng cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu cây trồng.

Ghi chú: Các giá trị in đậm là các giá trị vượt ngưỡng cho phép

Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 03/07÷09/07/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, TN từ ngày 03/07/2025 đến 09/07/2025 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 03/07÷09/07/2025 dao động trong khoảng 0,11÷13,87‰, giảm đáng kể so với tuần trước. Tại tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn vẫn duy trì ở mức thấp, đều dưới mức 2‰, đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn duy trì ở mức phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, ngoại trừ vị trí QL10 tại Bắc Hồng Dân có độ mặn thấp dưới mức 4‰, chưa thích hợp nuôi tôm.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 03/07÷09/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							‰	
		03/07	04/07	05/07	06/07	07/07	08/07	09/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,35	0,34	0,33	0,33	0,34	0,35	0,36	0,33	0,36
QL2		0,62	0,40	0,20	0,63	0,11	0,65	0,69	0,11	0,69
QL8		0,71	0,74	0,79	0,85	0,89	0,93	0,97	0,71	0,97
QL9		0,26	0,26	0,15	0,20	0,27	0,13	0,15	0,13	0,27
QL13		0,16	0,30	0,28	0,25	0,20	0,23	0,26	0,16	0,30
QL3	Chuyển đổi	9,67	7,98	8,24	9,64	10,41	10,79	10,76	7,98	10,79
QL4		13,50	13,44	13,38	13,64	13,87	13,78	13,46	13,38	13,87
QL5		8,12	8,54	8,97	9,29	9,40	9,66	10,31	8,12	10,31
QL6		7,94	8,21	7,84	7,35	6,98	6,75	6,38	6,38	8,21
QL7		8,13	6,78	5,08	4,04	4,16	4,65	5,14	4,04	8,13
QL10		0,37	0,45	0,61	0,87	1,29	1,79	2,54	0,37	2,54
QL11		4,25	4,10	4,93	6,18	7,06	7,25	7,52	4,10	7,52
QL12		11,62	11,15	10,69	10,14	9,59	9,27	9,26	9,26	11,62
Ranh mặn		<1‰	1‰-4‰		>4‰					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Hàm lượng DO dự báo dao động trong tuần từ 3,58÷5,96 mg/l, ổn định so với tuần trước. Nồng độ DO tại vị trí QL8, QL9, QL10 đều thấp dưới mức B trong cả tuần. Các vị trí còn lại nhìn chung có hàm lượng oxy hòa tan ổn định trên 5 mg/l. Có thể cấp nước để phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 03/07÷09/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		03/07	04/07	05/07	06/07	07/07	08/07	09/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	4,72	4,48	4,30	5,40	5,40	5,41	5,42	4,30	5,42
QL2		5,73	5,73	5,72	5,72	5,72	5,71	5,71	5,71	5,73
QL8		4,97	4,97	4,97	4,94	4,96	4,95	4,92	4,92	4,97
QL9		3,82	3,86	3,86	3,81	3,74	3,66	3,58	3,58	3,86
QL13		5,89	5,89	5,88	5,88	5,88	5,88	5,88	5,88	5,89

QL3	Chuyển đổi	5,81	5,79	5,77	5,79	5,86	5,91	5,90	5,77	5,91
QL4		5,89	5,94	5,96	5,95	5,93	5,91	5,89	5,89	5,96
QL5		5,77	5,77	5,78	5,80	5,81	5,83	5,86	5,77	5,86
QL6		5,46	5,49	5,49	5,48	5,44	5,38	5,31	5,31	5,49
QL7		5,43	5,44	5,44	5,41	5,41	5,38	5,34	5,34	5,44
QL10		4,51	4,42	4,36	4,34	4,31	4,27	4,23	4,23	4,51
QL11		5,37	5,37	5,70	5,70	5,70	5,71	5,72	5,37	5,72
QL12		5,08	5,11	5,15	5,18	5,23	5,22	5,17	5,08	5,23
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: $\geq 6,0$			Đạt mức B: $\geq 5,0$			Không đạt mức B: $< 5,0$		

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ trong tuần nằm trong khoảng từ 7,53 mg/l – 19,08 mg/l, giảm đáng kể với tuần trước. Đặc biệt tại điểm QL2 tại kênh Vĩnh Phong có hàm lượng BOD₅ cao nhất dự báo vượt mức B hơn 3 lần tại một vài ngày trong tuần. Cần có biện pháp xử lý thích hợp trước khi cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 03/07÷09/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		03/07	04/07	05/07	06/07	07/07	08/07	09/07	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	13,41	13,55	13,34	13,43	13,51	13,47	13,33	13,33	13,55
QL2		18,54	18,72	18,96	19,08	18,39	16,66	16,09	16,09	19,08
QL8		8,24	9,14	9,41	8,80	8,86	8,75	8,44	8,24	9,41
QL9		16,25	15,88	15,56	15,32	15,06	15,32	16,33	15,06	16,33
QL13		7,65	7,84	8,14	8,19	8,22	8,20	8,20	7,65	8,22
QL3	Chuyển đổi	7,66	7,61	7,63	7,64	7,69	7,69	7,66	7,61	7,69
QL4		7,53	7,62	7,70	7,77	7,83	7,86	7,85	7,53	7,86
QL5		8,20	8,16	8,24	8,33	8,34	8,31	8,24	8,16	8,34
QL6		17,89	17,47	16,69	15,82	15,10	14,62	14,26	14,26	17,89
QL7		9,34	9,33	9,32	9,31	9,30	9,30	9,30	9,30	9,34
QL10		13,11	12,98	12,86	12,72	12,52	12,33	12,21	12,21	13,11
QL11		11,13	11,05	10,99	11,02	11,14	11,32	11,47	10,99	11,47
QL12		8,40	8,31	8,24	8,19	8,14	8,20	8,26	8,14	8,40
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6			Không đạt mức B: > 6		

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị TN trong tuần dự báo dao động từ 0,33 – 6,62 mg/l, ổn định so với tuần trước, vị trí QL2 trong tiểu vùng ngọt hóa có nồng độ TN vượt mức B QCVN08:2023 khoảng 4,4 lần. Cần có biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng nước. Các vị trí còn lại trong vùng hệ thống thủy lợi hầu hết đều vượt mức B các ngày trong tuần.

Bảng 5: Giá trị dự báo TN tại các điểm giám sát từ 03/07÷09/07/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		03/07	04/07	05/07	06/07	07/07	08/07	09/07	Min	Max
QL1		2,60	2,70	2,73	2,75	2,74	2,60	2,36	2,36	2,75

QL2	Ngọt hóa	6,62	6,34	6,26	6,25	6,15	5,95	5,75	5,75	6,62
QL8		2,13	1,83	2,21	2,66	2,93	3,02	3,03	1,83	3,03
QL9		2,54	2,50	2,47	2,43	2,35	2,29	2,23	2,23	2,54
QL13		1,46	1,48	1,52	1,55	1,58	1,61	1,76	1,46	1,76
QL3	Chuyển đổi	0,75	0,75	0,76	0,76	0,76	0,76	0,74	0,74	0,76
QL4		0,48	0,45	0,40	0,36	0,34	0,33	0,33	0,33	0,48
QL5		1,54	1,58	1,60	1,62	1,63	1,64	1,65	1,54	1,65
QL6		4,31	4,36	4,37	4,65	4,85	4,91	4,99	4,31	4,99
QL7		2,74	2,65	2,58	2,50	2,43	2,40	2,37	2,37	2,74
QL10		4,71	4,79	4,70	4,50	4,38	4,43	4,43	4,38	4,79
QL11		4,53	4,43	4,36	4,35	4,29	4,17	4,07	4,07	4,53
QL12		2,88	2,89	2,91	3,05	3,27	3,06	3,20	2,88	3,27
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 0,6			Đạt mức B: ≤ 1,5			Không đạt mức B: > 1,5		

Khuyến cáo: Trong thời gian từ 03/07÷09/07, độ mặn có xu hướng ổn định, tuy nhiên cần chú ý vị trí QL10 trong vùng chuyển đổi có độ mặn thấp chưa phù hợp để cấp nước nuôi trồng thủy sản, khuyến khích người dân chuyển qua trồng lúa. DO trong vùng dự án có xu hướng ổn định so với tuần trước. Hàm lượng BOD₅ và TN có xu hướng giảm nhẹ so với tuần trước, tuy nhiên vẫn vượt ngưỡng mức B QCVN08:2023 nhiều lần tại hầu hết các vị trí, cần chú ý giám sát chặt chẽ hơn. Đặc biệt tại vị trí QL2 tại kênh Vĩnh Phong có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng cao.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
Phạm Văn Tùng